

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Số: 32

Ngày 19/8/2019

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN MỚI

- 1. Một số quy định mới của Luật thi hành án hình sự.*
- 2. Tháo gỡ rào cản về điều kiện đầu tư kinh doanh.*
- 3. 08 khoản chi phí xác định tổng mức đầu tư xây dựng.*
- 4. Sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư Dự án BT.*
- 5. Thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ.*
- 6. Đặt cọc tối thiểu 10% giá trị lô cổ phần kèm nợ khi tham gia đấu giá.*
- 7. Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp quận địa bàn thành phố Hà Nội được quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.*

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Nghị định quy định về xác thực và định danh điện tử.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- 1. Các hoạt động của Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm những gì?*
- 2. Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện trong thời hạn bao nhiêu lâu?*
- 3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật của doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm những gì?*
- 4. Mức hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật như thế nào?*

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI CỦA LUẬT THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

Ngày 14/6/2019, Quốc hội ban hành Luật số 41/2019/QH14 về Luật thi hành án hình sự. Luật này quy định nguyên tắc, trình tự, thủ tục, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có thẩm quyền trong thi hành bản án, quyết định về hình phạt tù, tử hình, cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, trục xuất, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, án treo, tha tù trước thời hạn có điều kiện, hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, cấm huy động vốn, biện pháp tư pháp; quyền, nghĩa vụ của người, pháp nhân thương mại chấp hành án hình sự, biện pháp tư pháp; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thi hành án hình sự, biện pháp tư pháp.

Quy định về thi hành án hình sự với pháp nhân thương mại là quy định mới nhằm thống nhất với Bộ luật Hình sự 2015. Theo đó, khi nhận được quyết định thi hành án, người đại diện pháp nhân thương mại bắt buộc phải có mặt theo giấy triệu tập và pháp nhân thương mại phải công bố trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm của mình và niêm

yết công khai tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận quyết định. Pháp nhân thương mại phải thực hiện đúng theo yêu cầu của bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và phải báo cáo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án hình sự và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại về việc chấp hành hình phạt, biện pháp tư pháp. Bên cạnh đó, ngoài 06 đối tượng được bố trí giam giữ riêng theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2010 (phạm nhân nữ, phạm nhân là người dưới 18 tuổi, phạm nhân là người nước ngoài, phạm nhân là người có bệnh truyền nhiễm đặc biệt nguy hiểm, phạm nhân mắc bệnh tâm thần, phạm nhân thường xuyên vi phạm nội quy cơ sở giam giữ), thì Luật mới còn bổ sung thêm 02 đối tượng được bố trí giam giữ riêng là: Người đồng tính, người chuyển đổi giới tính, người chưa xác định định rõ giới tính; Phạm nhân có con dưới 36 tháng tuổi theo mẹ vào trại giam. Ngoài ra, về chế độ lao động phạm nhân được bố trí 01 ngày trong tuần để học tập, học nghề trừ ngày chủ nhật, lễ, tết. Thời gian lao động không quá 08 giờ/ngày và 05 ngày/tuần, được nghỉ vào các ngày chủ nhật, lễ, tết. Trường hợp đột xuất có thể yêu cầu phạm nhân làm thêm giờ nhưng

không vượt quá số giờ làm trong ngày. Phạm nhân làm thêm giờ hoặc lao động trong ngày nghỉ được nghỉ bù hoặc được bồi dưỡng bằng hiện vật. Trường hợp phạm nhân bị bệnh, đang điều trị tại cơ sở y tế; phạm nhân có con dưới 36 tháng tuổi đang ở cùng mẹ trong trại giam mà bị bệnh có xác nhận của cơ sở y tế; phạm nhân nữ có thai sẽ được nghỉ lao động. Căn cứ vào khả năng hợp tác với tổ chức, cá nhân, giám thị trại giam lập kế hoạch tổ chức lao động động cho phạm nhân. Khi kế hoạch được phê duyệt, phạm nhân có thể lao động ngoài trại giam.

Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020.

2. THÁO GỠ RÀO CẢN VỀ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH

Ngày 13/8/2019, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 59/NQ-CP phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 năm 2019.

Cụ thể, Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành tập trung rà soát, có giải pháp tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế, trong đó tập trung cơ cấu lại ba lĩnh vực trọng tâm là: đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng. Đồng thời, các bộ, ngành kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, chủ động đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giải pháp khắc phục tình trạng chông chéo, thiếu thống nhất,

không rõ ràng của các quy định pháp luật và cơ chế, chính sách; xây dựng hành lang pháp lý để quản lý và tạo điều kiện phát triển các hoạt động đổi mới sáng tạo, các mô hình kinh doanh mới trong thời kỳ cách mạng công nghiệp lần thứ tư như: kinh tế số, kinh tế chia sẻ, thanh toán điện tử, tài sản ảo, tiền ảo...; rà soát, tháo gỡ rào cản về điều kiện đầu tư kinh doanh theo Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 13/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh để tiếp tục cải thiện, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, bình đẳng. Bên cạnh đó, Bộ Thông tin và Truyền thông khẩn trương trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ Việt Nam; tập trung hoàn thiện, trình Chính phủ dự thảo Nghị định Nghị định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số; dự thảo Nghị định quy định về định danh xác thực điện tử; Đề án Chuyển đổi số quốc gia. Khẩn trương phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đẩy nhanh tiến độ triển khai thí điểm ứng dụng thanh toán tiền điện tử trên thuê bao di động (Mobile Money). Chỉ đạo công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp. Yêu cầu cơ quan thông tấn, báo chí cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, đấu

tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, chống phá từ các thế lực thù địch. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền, kịp thời phản bác thông tin xấu, độc, sai sự thật, tạo đồng thuận xã hội.

3. 08 KHOẢN CHI PHÍ XÁC ĐỊNH TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Ngày 14/8/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 68/2019/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Nghị định này quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách và dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) về sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng, giá gói thầu xây dựng, định mức và giá xây dựng, chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng; thanh toán và quyết toán hợp đồng xây dựng, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu tư vấn trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là ODA) thực hiện theo quy định điều ước quốc tế và quy định của pháp luật trong nước của Luật điều ước quốc

tế. Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2019.

Theo đó, tổng mức đầu tư xây dựng được xác định dựa trên 08 khoản chi phí gồm: Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư; Chi phí xây dựng các công trình, hạng mục của dự án; Chi phí thiết bị mua sắm; Chi phí quản lý dự án; Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; Chi phí khác gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dự án; Chi phí dự phòng. Việc điều chỉnh tổng mức đầu tư được thực hiện cùng với việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng và phải tổ chức điều chỉnh khi phát sinh chi phí vượt tổng mức đầu tư. Trường hợp chỉ điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí gồm cả chi phí dự phòng do điều chỉnh giá theo chỉ số giá tăng so với chỉ số giá tính trong chi phí dự phòng trượt giá của tổng mức đầu tư nhưng không làm vượt tổng mức đầu tư đã phê duyệt thì chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh và trình người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp làm tăng chi phí của dự án, dự án chậm tiến độ gây thất thoát, lãng phí do quyết định thực hiện dự án khi kế hoạch vốn không phù hợp với kế hoạch thực hiện dự án thì người quyết định đầu tư, chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cũng theo Nghị định, Bộ Xây dựng là cơ quan chịu trách nhiệm thống nhất quản lý nhà nước về chi phí đầu tư xây dựng và có trách

nhiệm hướng dẫn chi tiết về nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng gồm sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng, dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu xây dựng, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình, chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng, chỉ số giá xây dựng, đo bóc khối lượng xây dựng công trình, điều chỉnh tổng mức đầu tư, điều chỉnh dự toán xây dựng; xác định giá vật liệu xây dựng, giá nhân công xây dựng (bao gồm cả nhân công tư vấn), giá ca máy và thiết bị xây dựng theo cơ chế thị trường; quy đổi vốn đầu tư xây dựng và kiểm soát chi phí trong đầu tư xây dựng.

4. SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG ĐỂ THANH TOÁN CHO NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN BT

Ngày 15/8/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 69/2019/NĐ-CP quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (Dự án BT).

Từ ngày 01/10/2019, tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT gồm: Quỹ đất; đất, nhà và tài sản khác gắn liền với

đất (trụ sở làm việc) của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (cơ quan, tổ chức, đơn vị); tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng (tài sản kết cấu hạ tầng); các loại tài sản công khác theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công. Trường hợp bán đấu giá tài sản công để lấy nguồn thanh toán cho Hợp đồng BT thì việc sử dụng số tiền thu được từ bán đấu giá tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT được thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai, ngân sách nhà nước, đầu tư, xây dựng; việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án BT theo hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định của pháp luật về đấu thầu; chỉ được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật. Việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT được thực hiện theo nguyên tắc ngang giá, giá trị Dự án BT tương đương với

giá trị tài sản công thanh toán; được xác định như sau: giá trị tài sản công được xác định theo giá thị trường theo quy định của pháp luật tại thời điểm thanh toán; giá trị Dự án BT được xác định theo kết quả đấu thầu. Việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT phải được tổng hợp, phản ánh vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; cụ thể: đối với tài sản công thuộc trung ương quản lý được tổng hợp, phản ánh vào ngân sách trung ương; đối với tài sản công thuộc địa phương quản lý được tổng hợp, phản ánh vào ngân sách địa phương. Thời điểm thanh toán Dự án BT đối với trường hợp thanh toán bằng quỹ đất hoặc trụ sở làm việc là thời điểm UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất cho Nhà đầu tư. Thời điểm thanh toán Dự án BT đối với trường hợp thanh toán bằng tài sản kết cấu hạ tầng và các loại tài sản công khác là thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định giao tài sản cho Nhà đầu tư.

5. THÚC ĐẨY MÔ HÌNH KINH TẾ CHIA SẺ

Nhằm đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các doanh nghiệp kinh doanh theo mô hình kinh tế chia sẻ và kinh tế truyền thống; đảm bảo quyền lợi, trách

nhiệm và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia mô hình kinh tế chia sẻ bao gồm cung cấp dịch vụ, người sử dụng dịch vụ và doanh nghiệp cung cấp nền tảng; khuyến khích đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số và phát triển nền kinh tế số. Ngày 12/8/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 999/QĐ-TTg phê duyệt Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ; có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Theo đó, Đề án đưa ra 4 nhóm giải pháp quản lý nhà nước nhằm thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ gồm: nhóm các giải pháp thực hiện quyền và trách nhiệm của người cung cấp dịch vụ trong kinh tế chia sẻ; nhóm giải pháp thực hiện quyền và trách nhiệm của người sử dụng dịch vụ trong kinh tế chia sẻ; nhóm giải pháp thực hiện quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp công nghệ/doanh nghiệp cung cấp nền tảng trong kinh tế chia sẻ; nhóm giải pháp đối với Nhà nước nhằm xây dựng và phát triển hệ sinh thái cho kinh doanh, đầu tư theo mô hình kinh tế chia sẻ. Trong đó, nhóm các giải pháp thực hiện quyền và trách nhiệm của người cung cấp dịch vụ trong kinh tế chia sẻ nhằm nâng cao năng lực để hiểu rõ trách nhiệm cá nhân và doanh nghiệp về khai báo thông tin liên quan đến các hoạt động của kinh tế chia sẻ cho các cơ quan quản lý Nhà nước, bao gồm các

thông tin hoạt động, nghĩa vụ thuế và các quy định quản lý chuyên ngành. Quan điểm của Đề án là ủng hộ và thích ứng với xu thế phát triển mới của mô hình kinh tế chia sẻ trong điều kiện phát triển rất nhanh của công nghệ số trên thế giới; không cần thiết phải có các chính sách riêng biệt cho hình thức kinh doanh theo mô hình kinh tế chia sẻ do kinh tế chia sẻ không phải là một bộ phận tách rời hoặc một thành phần kinh tế riêng trong nền kinh tế. Đồng thời quản lý nhà nước cần đảm bảo cho các hoạt động kinh tế hợp pháp được phát triển trong đó có các hoạt động kinh tế chia sẻ; thay đổi tư duy và cách thức quản lý nhà nước cho phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế số và cách mạng công nghiệp 4.0; nâng cao nhận thức và năng lực của doanh nghiệp, địa phương và người dân về mô hình kinh tế chia sẻ. Tạo lập một môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các doanh nghiệp hoạt động kinh tế chia sẻ và doanh nghiệp kinh doanh truyền thống, giữa doanh nghiệp

trong nước và doanh nghiệp nước ngoài theo hướng tạo điều kiện và hỗ trợ các doanh nghiệp truyền thống chuyển đổi hình thức kinh doanh; Nhà nước khuyến khích, ưu tiên tăng cường năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp cung cấp nền tảng; đặt doanh nghiệp vào trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo; hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ trong nước phát triển tạo lập các nền tảng số, hỗ trợ chuyển đổi số, số hóa ở cấp độ doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế. Thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới (dạng sandbox) cho việc triển khai và ứng dụng các công nghệ mới trong mô hình kinh tế chia sẻ; nâng cao năng lực quản lý của bộ máy nhà nước trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đáp ứng yêu cầu quản lý và thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ. Khuyến khích các mô hình kinh tế chia sẻ trên cơ sở phù hợp với lợi ích và trình độ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, đảm bảo tuân thủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

6. ĐẶT CỌC TỐI THIỂU 10% GIÁ TRỊ LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ KHI THAM GIA ĐẤU GIÁ

Ngày 08/8/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 50/2019/TT-BTC hướng dẫn đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp

nhà nước có chức năng mua, bán, xử lý nợ; có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2019.

Thông tư nêu rõ giá khởi điểm bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu được quyết định bởi Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của

doanh nghiệp mua bán nợ. Giá khởi điểm không thấp hơn giá trị của một cổ phần nhân với số lượng cổ phần chào bán theo lô; đồng thời, giá khởi điểm khoản nợ phải thu không thấp hơn giá trị xác định lại do tổ chức có chức năng thẩm định thực hiện. Theo đó, cuộc đấu giá được tổ chức tại các trụ sở của tổ chức đấu giá, doanh nghiệp mua bán nợ hoặc địa điểm khác theo thỏa thuận của doanh nghiệp mua bán nợ và tổ chức đấu giá. Trong thời hạn quy định, nhà đầu tư đủ điều kiện tham gia đấu giá thực hiện đăng ký đấu giá và thực hiện đăng ký đấu giá và thực hiện nộp tiền đặt cọc. Doanh nghiệp mua bán nợ quyết định tỷ lệ đặt cọc của nhà đầu tư nhưng không thấp hơn 10% tổng giá trị lô cổ phần kèm nợ phải thu tính theo giá khởi điểm. Sau khi đăng ký đấu giá và hoàn tất thủ tục đặt cọc, nhà đầu tư được tổ chức đấu giá cung cấp phiếu tham dự đấu giá để thực hiện đặt giá mua (giá đấu). Trong thời hạn quy định tại quy chế bán đấu giá, các nhà đầu tư ghi giá đặt mua (giá đấu) vào phiếu tham dự đấu giá và bỏ phiếu trực tiếp tại địa điểm tổ chức đấu giá hoặc bỏ phiếu qua đường bưu điện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần. Mỗi nhà đầu tư chỉ được cấp một phiếu tham dự đấu giá và chỉ được bỏ một mức giá cho toàn bộ lô cổ phần kèm nợ phải thu.

7. SỞ Y TẾ, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP QUẬN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ

NỘI ĐƯỢC QUYỀN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Ngày 08/8/2019, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 4226/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo đó, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Thành phố, thời hạn giải quyết là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ bằng một trong ba cách thức sau: trực tiếp, theo đường bưu điện hoặc đăng ký trực tuyến. Quyết định quy định rõ, Bộ phận một cửa Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hà Nội sẽ tiếp nhận hồ sơ của các cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống (cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước đá dùng liền, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Bộ Kế hoạch Đầu tư hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội

cấp, cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm khác không thuộc thẩm quyền cấp giấy chứng nhận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bà UBND cấp huyện,...). Bộ phận một cửa UBND cấp huyện sẽ

tiếp nhận hồ sơ đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND cấp huyện cấp. Quyết định có hiệu lực ban hành kể từ ngày ký.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ XÁC THỰC VÀ ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ

Bộ Thông tin và Truyền thông đang tổ chức lấy ý kiến góp ý Dự thảo Nghị định quy định về xác thực và định danh điện tử. Nghị định bao gồm 5 Chương, 34 Điều, quy định về xác thực và định danh điện tử nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc cung cấp và sử dụng dịch vụ xác thực và định danh điện tử đa dạng, góp phần đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trong giao dịch điện tử; đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh góp phần hoàn thành các mục tiêu xây dựng Chính phủ điện tử. Đối tượng áp dụng là các cơ quan nhà nước; các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước; khuyến khích các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia giao dịch điện tử tuân thủ các quy định của Nghị định này.

Theo Dự thảo, định danh điện tử có giá trị pháp lý trong các giao

dịch điện tử tương đương với việc sử dụng giấy tờ định danh cá nhân, tổ chức trong đời thực, trừ trường hợp có quy định khác tại các luật chuyên ngành. Thông tin định danh là định danh điện tử (trường khóa) và các thông tin định danh đi kèm. Đối với thông tin định danh điện tử của cá nhân, trường khóa là số chứng minh nhân dân, số định danh cá nhân, số hộ chiếu, mã số bảo hiểm xã hội, mã số thuế cá nhân; các thông tin định danh cá nhân đi kèm là họ và tên, ngày sinh, giới tính, nơi sinh hoặc nơi đăng ký khai sinh, địa chỉ thường trú; các thông tin khác nếu tổ chức cung cấp định danh điện tử muốn thu thập thì cần sự cho phép của cá nhân. Đối với thông tin định danh điện tử của tổ chức, trường khóa là mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách, mã số thuế của tổ chức, trong trường hợp tổ chức không có mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách và mã số thuế của tổ chức thì có thể đề xuất sử dụng thông tin khác; các thông tin định danh tổ chức kèm theo bao gồm: tên tổ chức, tên đơn vị cấp trên trực tiếp, địa chỉ,

người đại diện pháp luật. Các tổ chức cung cấp định danh điện tử và thông tin định danh điện tử gốc là các tổ chức tạo lập thông tin định danh gốc của người dân, doanh nghiệp và tổ chức, bao gồm: Bộ Công an; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính; Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Dự thảo cũng đề xuất, xác thực điện tử được thực hiện trên một hoặc kết hợp một số yếu tố xác thực sau: xác thực điện tử dựa trên thông tin đối tượng yêu cầu xác thực biết; xác thực điện tử dựa trên thông tin đối tượng yêu cầu xác thực có; xác thực điện tử dựa trên đặc điểm của đối tượng yêu cầu xác thực (sinh

trắc học). Các yếu tố xác thực được sử dụng trong giao dịch điện tử của các cơ quan nhà nước: tài khoản tên người sử dụng và mật khẩu (username/password); mật khẩu sử dụng một lần (One-Time Password); số điện thoại di động; Chứng thư số; đặc điểm sinh trắc học.

Hiện nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng Dự thảo lần 2 Nghị định quy định về xác thực và định danh điện tử đăng tải trên website và gửi văn bản đến các bộ, ngành, địa phương có liên quan để lấy ý kiến góp ý hoàn thiện, dự kiến trình Chính phủ trong tháng 10/2019.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Các hoạt động của Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm những gì?

Trả lời: Theo Điều 10, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có quy định Các hoạt động của Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm: hoạt động cung cấp thông tin, bao gồm thông tin pháp luật trong nước, thông tin pháp luật nước ngoài, pháp luật quốc tế, cảnh báo rủi ro pháp lý và chính sách của ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan đến doanh

nh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có); hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật, bao gồm bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho mạng lưới tư vấn viên pháp luật; hoạt động tư vấn pháp luật, bao gồm đối thoại, giải quyết các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp và các hoạt động tư vấn pháp luật khác phù hợp với các quy định của pháp luật trên cơ sở nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa và nguồn lực theo quy định.

2. Hỏi: Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện trong thời hạn bao nhiêu lâu?

Trả lời: Theo Điều 11, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có quy định Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có thời hạn tối đa 05 năm kể từ ngày được phê duyệt. Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tổ chức tổng kết để xây dựng hoặc đề xuất xây dựng chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cơ sở nhu cầu của doanh nghiệp và nguồn lực của cơ quan, tổ chức.

3. Hỏi: Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật của doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm những gì?

Trả lời: Theo Điều 9, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có quy định hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật của doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm: tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa theo mẫu được quy định tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc văn

bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định này; bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó nêu rõ nội dung tư vấn, phí dịch vụ tư vấn.

4. Hỏi: Mức hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật như thế nào?

Trả lời: Theo Điều 9, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có quy định hỗ trợ chi phí thì mức chi phí hỗ trợ cụ thể như sau: Doanh nghiệp siêu nhỏ được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn pháp luật theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp, nhưng không quá 03 triệu đồng một năm; Doanh nghiệp nhỏ được hỗ trợ tối đa 30% chi phí tư vấn pháp luật theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp, nhưng không quá 05 triệu đồng một năm; Doanh nghiệp vừa được hỗ trợ tối đa 10% chi phí tư vấn pháp luật theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp, nhưng không quá 10 triệu đồng một năm; Hộ kinh doanh chuyển đổi sang doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp

nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật theo quy định tại Chương IV của Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3

năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định này./.